

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

001
CÔNG
CH NH
DEL
VIỆT
ĐA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Trương	Chủ tịch
Ông Hoàng Đức Long	Phó Chủ tịch
Ông Lê Anh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bình Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010)
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010)
Ông Trần Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

2500
G TY
H HỮU
TTE
NAM
TP. H

Số: 580 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 03 đến trang 24. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến vấn đề sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang kết hợp với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để kiểm tra, xử lý các vấn đề tài chính giữa hai thời điểm (xác định giá trị doanh nghiệp và chính thức chuyển sang công ty cổ phần). Các bút toán điều chỉnh (nếu có) liên quan đến vấn đề này sẽ được Công ty ghi nhận vào Báo cáo tài chính kỳ sau.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		612.062.332.841
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	146.723.513.932
1. Tiền	111		7.623.513.932
2. Các khoản tương đương tiền	112		139.100.000.000
II Các khoản phải thu ngắn hạn	130		295.883.685.037
1. Phải thu khách hàng	131		273.936.816.955
2. Trả trước cho người bán	132		25.804.722.180
3. Các khoản phải thu khác	135		4.125.833.139
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.983.687.237)
III Hàng tồn kho	140	6	121.947.770.290
1. Hàng tồn kho	141		123.853.257.714
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.905.487.424)
IV Tài sản ngắn hạn khác	150		47.507.363.582
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		192.462.731
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	7	17.633.544.122
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		135.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	29.546.356.729
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		424.209.240.229
I Các khoản phải thu dài hạn	210		3.876.549.224
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.876.549.224
II Tài sản cố định	220		13.432.388.484
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	10.912.558.364
- Nguyên giá	222		16.689.898.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.777.339.999)
2. Tài sản cố định vô hình	227		79.292.294
- Nguyên giá	228		183.228.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.936.573)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.440.537.826
III Bất động sản đầu tư	240		985.983.777
1. Nguyên giá	241		2.252.880.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.266.896.223)
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		354.545.593.356
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	35.780.190.121
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	233.696.817.050
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	88.157.818.086
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.089.231.901)
V Tài sản dài hạn khác	260		51.368.725.388
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	51.338.238.848
2. Tài sản dài hạn khác	268		30.486.540
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.036.271.573.070

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		598.745.228.405
I Nợ ngắn hạn	310		598.666.605.846
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	286.012.075.633
2. Phải trả người bán	312		112.246.719.503
3. Người mua trả tiền trước	313		31.548.961.025
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	33.656.510.134
5. Phải trả người lao động	315		5.599.708.354
6. Chi phí phải trả	316	16	5.871.946.949
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	123.494.503.042
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		236.181.206
II Nợ dài hạn	330		78.622.559
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		78.622.559
B NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		437.526.344.665
I Vốn chủ sở hữu	410	18	437.526.344.665
1. Vốn điều lệ	411		386.386.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		51.140.344.665
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.036.271.573.070



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	756.556.908.723
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		756.556.908.723
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	724.710.216.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		31.846.692.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	72.921.085.813
7. Chi phí tài chính	22	23	15.291.293.535
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.638.473.657
8. Chi phí bán hàng	24		5.408.123.976
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.628.952.163
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		52.439.408.806
11. Thu nhập khác	31		312.820.490
12. Chi phí khác	32		114.275.621
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		198.544.869
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		52.637.953.675
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	940.234.683
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		51.697.718.992



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.637.953.675
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.529.195.257
- Các khoản dự phòng	03	13.057.029.121
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(8.414.761.137)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(52.082.212.545)
- Chi phí lãi vay	06	9.638.473.657
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.365.678.028
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(97.156.157.344)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(74.025.904.786)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	130.353.025.750
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(11.260.220.906)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.596.461.924)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(725.203.932)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.298.247.423
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(41.629.473.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(81.376.471.156)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(614.617.668)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22.456.848.800)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.369.807.910
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.298.341.442
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (i)	31	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	407.384.864.673
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(204.583.221.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	202.801.643.646
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	146.723.513.932
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60)	70	146.723.513.932

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Trong kỳ, Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV Thiết bị Dầu khí Sài Gòn với số tiền 30 tỷ đồng thông qua việc chuyển giao giá trị sổ sách tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010 từ Xi nghiệp Sản xuất Kinh doanh Ống thép Machino sang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh giảm trên phần Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác.

(i) Vốn góp vào Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tăng với số tiền là 386.386.000.000 VND thông qua việc kế thừa số liệu của doanh nghiệp cổ phần hóa. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh giảm trên phần Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu.

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí kế thừa số liệu từ doanh nghiệp cổ phần hóa dẫn đến tổng tài sản và nợ phải trả tăng lên với số tiền lần lượt là 630.315.916.936 VND và 243.929.916.936 VND. Do vậy, các ảnh hưởng từ số liệu kế thừa trên sẽ không được phản ánh tương ứng với biến động tăng trong kỳ của các phần Tăng các khoản phải thu, tăng hàng tồn kho, tăng chi phí trả trước và tăng các khoản phải trả.

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã đánh giá tăng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phụ tùng xe máy Ô tô Machino tại thời điểm 28 tháng 2 năm 2010 và tăng khoản phải trả về cổ phần hóa với số tiền 45.329.682.417 VND. Theo đó một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên các khoản phải trả.



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

